TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56/2020/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Kỳ Anh, ngày 01 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ Hôn nhân gia đình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 18-04-1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Trần Xuân Ch - Sinh ngày: 20-12-1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Xuân Tr và bà Võ Thị H;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, d khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Ch.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Ch thuận tình ly hôn.

2.2. Về con cái: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Ch thống nhất giao 02 (Hai) con chung là cháu Trần Nguyễn V.A, sinh ngày 20-9-2008 và cháu Trần Đức D, sinh ngày 12-07-2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Xuân Ch cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăn ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi hai con chung Trần Nguyễn V.A và Trần Đức D tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về giải quyết tài sản: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Trần Xuân Ch, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Xuân Tr và bà Võ Thị H đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận và phân chia tài sản chung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Trần Xuân Ch thừa nhận thửa đất có diện tích 420m^2 (Bốn trăm hai mươi mét vuông) và một ngôi nhà ống có diện tích 50m^2 (Năm mươi mét vuông), địa chỉ tại: Tổ dân phố Tân Phong, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, chủ sở hữu là của vợ chồng ông Trương Xuân Tr và bà Võ Thị H, địa chỉ: Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Nguyễn Thị T và anh Trần Xuân Ch đồng ý trả lại cho ông Trương Xuân Tr và bà Võ Thị H.

Về tài sản chung vợ chồng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Trần Xuân Ch thống nhất, giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius nhưng anh Trần Xuân Ch đồng ý đưa lại cho chị Nguyễn Thị T bằng tiền mặt 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); 01 (một) tủ lạnh; 01 (một) máy giặt; 01 máy tính xách tay; 01 (một) đường dây điện cấp nguồn vào nhà; 05 (năm) bộ bàn ghế ăn (trong

đó có 02 bộ bằng Inox và 03 bộ bằng đá); tháo dỡ ½ mái nhà (của nhà xây phía trước, của nhà xây phía sau và phần rạp); tháo dỡ ½ mái của quán ăn. Còn những tài sản còn lại giao cho anh Trần Xuân Ch được quyền sở hữu, sử dụng.

2.4. Về án phí:

Chấp nhận sự thỏa thuận, chị Nguyễn Thị T nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho cả anh Trần Xuân Ch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thi tiền số AA/2016/0007245 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Ông Trương Xuân Tr nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thi tiền số AA/2016/0006840 ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Ông Trương Xuân Tr được hoàn trả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã thỏa thuận thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thì hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- UBND phường Kỳ Trinh;
- UBND phường Hưng Trí;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thạch